TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hoài Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Hoàng Quang Thanh**
2/ Ông **Thái Cao Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huệ** – Thư ký Toà án nhân dân huyện C.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 176/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/9/2019 về việc: "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Nhật N** - Sinh năm: 1994
Địa chỉ: thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Anh **Phan Hồng A** - Sinh năm: 1992
Địa chỉ: thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2019, bản tự khai ngày 23/9/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Nhật N trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Chị Trần Nhật N và anh Phan Hồng A tự nguyện kết hôn với nhau năm 2018 và được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 22/10/2018.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn được một thời gia thì vợ chồng chị N xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh A không có trách nhiệm với vợ con và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặc dù, chị N đã khuyên giải nhưng anh Avẫn không thay đổi. Từ tháng 9/2019 anh A đã bỏ về nhà cha mẹ anh tại thôn Suối Lau 2, xã Suối Cát cho đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống cùng nhau được nên chị N yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Hồng A.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh A có 01 con chung là cháu Phan Khánh N sinh ngày 18/3/2019. Hiện nay, cháu N đang ở với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng N và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 23/9/2019 bị đơn Phan Hồng A trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Anh A và chị N đăng ký kết hôn với nhau năm 2018 tại UBND xã C.

Quá trình chung sống: Vợ chồng anh A có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do công việc nên anh A thường vắng nhà và tiếp xúc với nhiều người nên vợ anh hiểu lầm là anh có người khác bên ngoài. Anh A vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh A và chị N có 01 con chung là cháu Phan Khánh N sinh ngày 18/3/2019. Hiện nay, cháu N đang ở với chị N. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh A sẽ giao con cho chị N nuôi dưỡng và anh A sẽ phụ cấp tiền nuôi con tùy vào khả năng.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 04/9/2019, chị Trần Nhật N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Hồng A, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Phan Hồng A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu ly hôn*: Chị Trần Nhật N và anh Phan Hồng A tự nguyện kết hôn với nhau năm 2018 và được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 22/10/2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng chị N, anh A nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng chị N, anh A bất đồng quan điểm, không có sự tôn trọng và yêu thương nhau. Anh A đã bỏ đi nơi khác sinh sống từ tháng 4/2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng anh A vẫn cố tình vắng mặt, cho thấy thái độ bất cần, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh A. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân

và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Trần Nhật N là có căn cứ.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Chị N và anh A có 01 con chung là cháu Phan Khánh N sinh ngày 18/3/2019. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu N dưới 12 tháng tuổi và đang ở với chị N. Vì vậy, cần phải giao cháu N cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị N không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:* Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí:* Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Trần Nhật N được ly hôn với anh Phan Hồng A.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Phan Khánh N ngày 18/3/2019 cho chị Trần Nhật N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Nhật N không yêu cầu nên không xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Chị Trần Nhật N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Trần Nhật N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0007849 ngày 18/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; chị Trần Nhật N đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm